

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ÔTÔ - VINACOMIN**



**TÀI LIỆU
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ÔTÔ – VINACOMIN**

**Báo cáo tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
ngày 27/4/2021**

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ÔTÔ - VINACOMIN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ÔTÔ – VINACOMIN**

**Báo cáo tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
ngày 27/4/2021**

1

Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 - Kế hoạch SXKD năm 2021

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

Số: 1421/BC-VMIC-KHVT

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Phần thứ nhất
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng đã tác động trực tiếp đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trên hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế đất nước nói chung và của Tập đoàn TKV nói riêng. Tuy nhiên với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước cho thấy Việt Nam vẫn là một trong số ít các quốc gia duy trì được chỉ số tăng trưởng tốt trên tất cả các lĩnh vực, với động lực là ngành sản xuất chế tạo tiếp tục mở rộng, sản xuất nông nghiệp tăng cao, ngành dịch vụ ổn định, tiêu dùng trong nước được duy trì tốt.

Đồng thời, với các giải pháp đồng bộ, sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Tập đoàn, sự chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương, Tập đoàn TKV đã thực hiện thành công mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa đảm bảo ổn định SXKD hiệu quả.

Kết thúc năm 2020, Tập đoàn TKV sản xuất đạt 38,5 triệu tấn than nguyên khai; than tiêu thụ đạt 42 triệu tấn. Đặc biệt, sản lượng điện, sản lượng Alumina đạt cao nhất từ trước đến nay. Cụ thể: Sản xuất Alumina đạt 1,42 triệu tấn; sản xuất điện 10,6 tỷ kwh. Các lĩnh vực SXKD vật liệu nổ công nghiệp, cơ khí, vật liệu xây dựng,... cũng đạt được nhiều kết quả tốt. Doanh thu toàn Tập đoàn đạt 123.425 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 19.500 tỷ đồng, lợi nhuận đạt gần 3.000 tỷ đồng, tiền lương bình quân chung toàn Tập đoàn đạt 12,8 triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương thợ lò đạt 20 triệu đồng/người/tháng.

Từ những kết quả trên của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho hầu hết các đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020 trong Tập đoàn các Công ty TKV; trong đó có Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH %	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6=5/4x100</u>	<u>7</u>
A	Sản phẩm chủ yếu					
1	Sửa chữa thiết bị xe máy					
	Xe HD các loại	Xe	20	24	120.0	
	Xe CAT các loại	Xe	19	19	100.0	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH %	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6=5/4x100</u>	<u>7</u>
	Xe Volvo, HM các loại	Xe	2	01	50.0	
	Xe trung xa, xe cầu các loại	Xe	15	30	200.0	
	Máy xúc thủy lực, máy khoan các loại	Máy	11	14	127.3	
	Máy gặt	Máy	9	05	55.6	
	Đầu tàu TY	Cái	0	0	0.0	
	Sửa chữa cụm các loại	Cụm	50	32	64.0	
	S/C xe máy tại khai trường	Tr.đ	17 000	8 771	51.6	
2	Chế tạo và phục hồi phụ tùng					
	Chế tạo phụ tùng	Tấn	2 450	2 800	114.3	
	Chế tạo phụ tùng, thiết bị bán ngoài	Tấn	2 000	2 350	117.5	
	Chế tạo phụ tùng tự dùng	Tấn	450	450	100.0	
	Thanh neo vì lò	Bộ	15 000	18 300	122.0	
	Phục hồi Phụ tùng	Tấn	850	895	105.3	
	Phục hồi phụ tùng bán ngoài	Tấn	600	635	105.8	
	Phục hồi phụ tùng tự dùng	Tấn	250	260	104.0	
3	Chế tạo xe chuyên dùng	Xe	0	02		
4	Lắp ráp xe	Xe	3	03	100.0	
5	Doanh thu	Tr.đ	300 120	344 862	114.9	
	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	292 120	339 310	116.2	
	Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu khác	Tr.đ	8 000	5 552	69.4	
6	Giá trị sản xuất	Tr.đ	292 520	339 588	116.1	
7	Tổng chi phí SX trong kỳ	Tr.đ	294 820	339 317	115.1	
7.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	240 287	278 471	115.9	
	Nguyên vật liệu	Tr.đ	219 060	251 060	114.6	
	Nhiên liệu	Tr.đ	810	481.2	59.4	
	Động lực	Tr.đ	2 450	2 908.5	118.7	
	Chi phí khác + ăn ca	Tr.đ	17 967	24 021.6	133.7	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP)		54 533	60 845	111.6	
	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	7 804	7 689.3	98.5	
	Tiền lương	Tr.đ	40 936	46 118.3	112.7	
	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	5 154	6 473	125.6	
	Thuế trong giá thành	Tr.đ	639	564.6	88.4	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH %	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6=5/4x100</u>	<u>7</u>
8	Lợi nhuận	Tr.đ	5 300.0	5 545	105.0	
9	Lao động tiền lương					
	- Lao động Bình quân trong danh sách	Người	362	355	98.0	
	- Tiền lương bình quân	1000 đ/ng	9 424	10 826	115.0	
	- Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/1000đ	134	132.97	98.9	
B	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giao khoán					
1	Tăng giảm lợi nhuận so với Kế hoạch	Tr.đ	5.300	5.545		
2	Tăng giảm chi phí khách quan	Tr.đ		-115		
3	Tiết kiệm (+), bội chi (-)	Tr.đ		130		
4	Mức tăng giảm tuyệt đối lợi nhuận Δ LN so với kế hoạch	Tr.đ		245		
C	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ		12 280		
D	Chi trả Cổ tức	%	8	10	125.0	

2. Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch PHKD; Các giải pháp chủ yếu đã triển khai thực hiện chỉ đạo điều hành kế hoạch PHKD năm 2020.

2.1. Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020.

Qua bảng số liệu trên cho thấy các chỉ tiêu về giá trị, sản lượng, doanh thu, tiền lương của người lao động, lợi nhuận của Công ty năm 2020 đều đạt và vượt mức so với kế hoạch đề ra. Cụ thể:

+ Về các chỉ tiêu giá trị: Doanh thu ước đạt trên 344,862 tỷ/300,120 tỷ (bằng 114,9% so với kế hoạch). Lợi nhuận đạt trên 5,545 tỷ/5,300 tỷ (bằng 105% kế hoạch). Tiền lương người lao động đạt 10,826 triệu/9,424 triệu đồng/người-tháng (bằng 115% so với kế hoạch);

+ Về chỉ tiêu sản lượng sửa chữa trùng tu thiết bị xe, máy: Xe HD các loại đạt 24/20 xe (bằng 120% Kế hoạch); Xe CAT các loại đạt 19/19 xe (bằng 100% Kế hoạch); Xe trung xa, xe cầu các loại đạt 30/15 xe (bằng 200% Kế hoạch); Máy xúc, máy khoan thủy lực các loại đạt 14/11 thiết bị (bằng 137,3% Kế hoạch); Chế tạo phụ tùng, thiết bị đạt 2.800 tấn/2.450 tấn (bằng 114,3% Kế hoạch); Phục hồi phụ tùng đạt 895 tấn/850 tấn (bằng 105,3% Kế hoạch).

Nhận xét, đánh giá: Năm 2020, do sự ảnh hưởng tác động của đại dịch Covid-19 bùng phát tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã tác động làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động SXKD của hầu hết các đơn vị tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020, trong đó có Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin. Để ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động, Công ty đã chủ động làm việc với hầu hết các đơn vị trong Tập đoàn TKV để nhận thiết bị xe máy vào sửa chữa và tiêu thụ sản phẩm chế tạo ngay từ đầu năm trên cơ sở kế hoạch đã được Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, đã chủ động khai thác thị trường, tìm thêm việc làm ngoài khối lượng công việc ghi trong kế hoạch PHKD của Tập đoàn. Đồng thời tập trung tăng cường

nâng cao sản lượng tiêu thụ hàng gia công, chế tạo và phục hồi trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn.

2.2. Các giải pháp điều hành Kế hoạch SXKD và tổ chức sản xuất năm 2020.

Trên cơ sở khối lượng công việc theo kế hoạch PHKD Tập đoàn TKV giao cho Công ty năm 2020 tại văn bản số: 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019; Để đảm bảo hoàn thành chất lượng, tiến độ theo chỉ đạo của Tập đoàn ban hành kèm theo quyết định số: 2169/QĐ-TKV ngày 23/12/2019; Công ty đã xây dựng và ban hành quyết định số: 115/QĐ-VMIC-KHVT ngày 06/01/2020 về Quy định mục tiêu và các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty năm 2020. Theo đó, Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chính lãnh đạo; cho các phòng quản lý và cán bộ các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ trong việc chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 phù hợp với kế hoạch PHKD Tập đoàn giao cho Công ty năm 2020. Đồng thời Công ty đã lập Báo cáo Kế hoạch chi phí và Giải pháp thực hiện kế hoạch PHKD năm 2020 tại văn bản số: 649/BC-VMIC-KHVT ngày 16/02/2020 gửi Tập đoàn TKV để theo dõi và chỉ đạo.

Đồng thời Công ty xây dựng các giải pháp chỉ đạo và đưa mục tiêu tăng cường mở rộng, khai thác hợp tác nhận thêm thị trường việc làm ngoài Tập đoàn TKV, trong đó:

- + Tăng tỷ trọng doanh thu, sản lượng hàng hóa gia công chế tạo và phục hồi. Mở rộng tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm dịch vụ ngoài ngành.

- + Thiết kế, chế tạo chi tiết, cụm chi tiết cho các nhà máy Nhiệt điện. Thiết bị khai thác trong hầm lò.

- + Tiếp tục duy trì nhận việc làm trong công tác phục vụ sửa chữa thiết bị xe máy thường xuyên tại các khai trường, công trường cho các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn TKV.

- + Tận dụng cơ hội khi Hãng Kamaz phát triển việc lắp ráp, tiêu thụ xe Kamaz tại Việt Nam (Đã được Bộ Quốc phòng thử nghiệm và nghiệm thu các tính năng kỹ thuật đạt yêu cầu tại hội nghị toàn quân tháng 12/2019) và duy trì sự hợp tác với hãng BELAZ trong việc bảo trì 04 xe BELAZ loại 136 tấn mà hiện nay đang hoạt động chạy thử nghiệm tại khai trường mỏ Than Hà tu từ tháng 4 năm 2019 để phát triển sản phẩm của Công ty (Những thiết bị này hãng BELAZ đang hợp tác với Công ty bảo trì, bảo dưỡng cũng như hợp tác sử dụng sản phẩm do Công ty chế tạo để sửa chữa thường xuyên tại khai trường Công ty than Hà Tu).

- + Tăng cường thiết kế sản xuất các loại xe máy chuyên dùng, xe đặc chủng.

- + Lực lượng làm công tác thị trường tiếp tục đổi mới hoạt động, bám sát kế hoạch phối hợp SXKD của Tập đoàn, tăng cường quan hệ tiếp cận khách hàng để nhận việc và tiêu thụ sản phẩm ngay từ đầu năm.

Xây dựng cơ chế nhận việc làm và tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty. Duy trì và cải tiến cơ chế tìm việc làm và tiêu thụ sản phẩm thông thoáng và hiệu quả. Nắm bắt thường xuyên các thông tin về khách hàng, thông tin về các đối tác cạnh tranh liên quan đến việc tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty để có chính sách thị trường phù hợp.

Đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường phát triển thêm sản phẩm mới có thể tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

Xây dựng ban hành hoàn thiện dần Hệ thống quản lý, quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm. Nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan tâm chất lượng với các sản phẩm hướng tới xuất khẩu.

3. Kiểm điểm đánh giá các mặt công tác

3.1. Đánh giá công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn, đặc biệt trên cơ sở quyết định số: 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018 của Tập đoàn về việc ban hành Quy định sửa chữa TSCĐ là thiết bị. Theo đó:

+ Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm: Nâng cao chất lượng lao động, chất lượng vật tư phụ tùng; Chuẩn bị tốt kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị và điều kiện vệ sinh phù hợp, đi đôi với tăng cường quản lý. Tăng cường công tác tự kiểm tra sản phẩm hàng ngày trong quá trình sản xuất của các phân xưởng, kiểm tra hạn chế thấp nhất các lỗi đối với các sản phẩm trước khi xuất xưởng bàn giao cho khách hàng đưa vào sử dụng.

+ Công tác sửa chữa được thực hiện cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Việc giám định kỹ thuật tại Công ty phải được thống nhất với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị, hạn chế thấp nhất việc sai, lỗi và phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa.

+ Khi xảy ra các lỗi vi phạm về chất lượng, phải xem xét tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ thiệt hại, quy được trách nhiệm đến cùng, đồng thời phải có hành động khắc phục và xây dựng các biện pháp phòng ngừa để tránh lặp lại.

+ Phối hợp tốt với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị xây dựng phương án sửa chữa, trung đại tu phù hợp trên cơ sở đơn giá, tiến độ sửa chữa đã được Tập đoàn TKV quy định tại văn bản số: 1891/QĐ-TKV ngày 26/10/2018.

3.2. Về công tác chất lượng, tiến độ và bảo hành sản phẩm

Công tác chất lượng các loại sản phẩm, dịch vụ của Công ty ngày càng được cải thiện.

Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm sau sửa chữa vẫn còn phải bảo hành, việc xử lý bảo hành chưa dứt điểm và thiếu kiên quyết trong việc phân định nguyên nhân, trách nhiệm về công tác bảo hành sản phẩm. Nguyên nhân của công tác này là việc kiểm soát và giám sát theo dõi quá trình sửa chữa, lắp ghép chất lượng chưa cao và công tác phối hợp theo dõi quá trình vận hành của các đơn vị chưa duy trì tốt và thường xuyên.

Việc kiểm soát sản phẩm sai, hỏng ngay trong quá trình sản xuất đã được quan tâm tốt hơn. Công tác kiểm soát chất lượng hàng chế tạo, phục hồi đáp ứng được yêu cầu. Các sản phẩm chế tạo của Công ty đang ngày càng có uy tín trên thị trường.

Một số tồn tại, nguyên nhân của công tác chất lượng, tiến độ sản phẩm sửa chữa trung đại tu.

+ Tồn tại: Công tác chuẩn bị sản xuất của Công ty còn có mặt hạn chế làm kéo dài thời gian sửa chữa, nhất là việc giải thể, thống nhất phương án sửa chữa với đơn vị sử dụng thiết bị; Công tác chuẩn bị vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa một số thiết bị, xe máy còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ sửa chữa.

+ Nguyên nhân: Nguyên nhân chính của tồn tại trên là những chủng loại xe này đã sử dụng nhiều năm, mức độ hư hỏng nặng nên khối lượng vật tư thay thế nhiều làm tăng giá trị sửa chữa. Để giảm chi phí khách hàng thường phải cân đối, nghiên cứu chuyển phương án như tận dụng sử dụng lại một số vật tư hoặc chuyển từ thay thế sang sửa chữa phục hồi hoặc cân đối xem xét sử dụng hàng thay thế để giảm chi phí nên làm chậm thời gian đặt hàng làm kéo dài thời gian sửa chữa.

Ngoài ra với một số thiết bị đã lạc hậu kỹ thuật, việc đặt hàng chậm do phải chờ các hãng sản xuất, thông qua các đơn vị nhập khẩu cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sửa chữa thiết bị. Một số phụ tùng phải chờ các nhà cung cấp nhập khẩu, nhưng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 bùng phát tại nhiều địa phương, vùng lãnh thổ và các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia sản xuất phụ tùng thiết bị, do đó đã tác động ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ sửa chữa trung đại tu thiết bị xe máy.

3.3. Công tác An toàn – Vệ sinh lao động

3.3.1. Công tác huấn luyện AT – VSLĐ

Ngay từ đầu năm Công ty đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ công tác AT-VSLĐ, quản lý ghi chép cập nhật theo đúng quy định, đồng thời tổ chức huấn luyện định kỳ cho công nhân lao động. Theo đó, ngay từ tháng 01/2020 các đơn vị đã đồng loạt tổ chức huấn luyện định kỳ cho người lao động. Khối trực tiếp sản xuất sản xuất đạt: 317 người/317 người (đạt 100%). Khối gián tiếp đạt 100%.

Các đơn vị và người lao động đã có ý thức thường xuyên quan tâm đến VSMT thực hiện đơn vị phong quang gọn sạch. Trong năm Công ty đã mời Trung tâm Y tế dự phòng của tỉnh về đo kiểm vi khí hậu tại các vị trí làm việc, đều được kết quả đảm bảo đủ điều kiện An toàn.

Trong năm đã được đoàn cán bộ cảnh sát Môi trường công an tỉnh Quảng Ninh đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật Môi trường của Công ty. Đoàn đánh giá Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định, không để xảy ra sự cố môi trường.

3.3.2. Công tác quản lý thiết bị, mặt bằng sản xuất

Các thiết bị có đầy đủ quy trình và nội quy được treo ở các vị trí dễ thấy dễ nhìn. Thiết bị được vệ sinh thường xuyên, đủ che chắn, tiếp địa.

Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo An toàn ở tất cả các điểm toàn Công ty. Mặt bằng sản xuất, VSMT sạch gọn thông thoáng, ánh sáng đảm bảo đủ điều kiện làm việc an toàn. Có đầy đủ các biển cảnh báo, cảnh giới, biển báo nguy hiểm và biển chỉ dẫn an toàn.

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đều được đăng ký với Sở LĐTB &XH Tỉnh Quảng Ninh và đều mời trung tâm kiểm định khu vực I về kiểm định và cấp giấy phép hoạt động.

Tổ chức khám sức khỏe cho công nhân làm việc trên cao, khám sức khỏe cho bộ phận phục vụ nhà ăn công nghiệp. Thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch, phun thuốc khử trùng, kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm. Năm 2020 không để xảy ra mất AT -VS thực phẩm và nhiễm dịch xảy ra.

Công tác kiểm tra toàn diện các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động - phòng cháy chữa cháy, định kỳ 3 tháng 1 lần ở các đơn vị phân xưởng. Công ty kiểm tra định kỳ 6 tháng 1 lần. Từ đầu năm tới nay Phòng cảnh sát PCCC & CNCH công an tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức kiểm tra tại Công ty. Sau những đợt kiểm tra Công ty có biện pháp khắc phục tồn tại và thời gian hoàn thành theo kiến nghị của đoàn.

Ngoài ra lực lượng làm công tác AT-VSLĐ, lực lượng ATVSV ở các tổ sản xuất thường xuyên kiểm tra tại chỗ kịp thời xử lý, ghi sổ kiến nghị của đơn vị.

Nhật lệnh sản xuất, giao việc có biện pháp an toàn và ký đến người lao động, đã gắn trách nhiệm của tổ trưởng sản xuất, và AT-VSV ở tổ.

Công ty tổ chức kiểm tra toàn diện công tác AT-VSLĐ- PCCC năm 2020 các đơn vị toàn công ty. Đánh giá chấm điểm về công tác AT-VSLĐ theo quyết định số: 1131/QĐ-TKV ngày 18/6/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty đạt tổng số điểm chấm 4 Nội dung và 15 Thông số đạt: 96/100 điểm đối chiếu với quy định. Đơn vị đạt danh hiệu: Đảm bảo An toàn vệ sinh lao động xuất sắc năm 2020.

Do có chỉ đạo sâu sát và phân công trách nhiệm rõ ràng nên năm 2020 việc thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ đạt kết quả cao trên các chỉ tiêu mua sắm trang bị BHLĐ cá nhân, các biện pháp kỹ thuật, cải thiện điều kiện làm việc, và tuyên truyền giáo dục, huấn luyện AT- VSLĐ. Kết quả đạt 108,5% kế hoạch.

3.3.4. Công tác PCCC - Bảo vệ môi trường và Phòng chống thiên tai

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng phương án PCCC được Tập đoàn và cơ quan Công an tỉnh phê duyệt. Trong đợt kiểm tra của Công an Quảng Ninh đánh giá Công ty là đơn vị chấp hành, thực hiện tốt công tác PCCC, trong năm không để xảy ra sự cố cháy nổ.

Các đơn vị trong Công ty đều xây dựng phương án PCCC, sơ đồ cảnh báo những nơi dễ phát sinh nguồn lửa để đề phòng. Lập sổ theo dõi trang bị PCCC của đơn vị đầy đủ. Công ty đã xây dựng phương án PCTT – TKCN năm 2020. Không xảy ra thiệt hại do mưa bão gây ra.

Công tác bảo vệ môi trường: Tổ chức thực hiện nghiêm các đề án bảo vệ môi trường; kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2020 các tiêu chuẩn về môi trường đều đảm bảo theo quy định. Các chất thải công nghiệp được Công ty thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định của pháp luật và của TKV; duy trì thường xuyên việc vệ sinh nhà xưởng khang trang, sạch đẹp, giữ gìn môi trường cảnh quan Công ty “xanh, sạch, đẹp”.

Công tác phòng chống thiên tai: Kiện toàn và phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; triển khai ngay từ đầu năm các phương án phòng chống mưa bão, sẵn sàng, chủ động ứng phó với mưa bão không để xảy ra thiệt hại. Luôn bám sát, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết và chỉ đạo của TKV, tổ chức lực lượng thường trực 24/24h khi có mưa bão xảy ra. Đóng góp đầy đủ Quỹ phòng chống thiên tai cho thành phố Cẩm Phả theo phân bổ. Tích cực tham gia kế hoạch phối hợp phòng chống mưa bão trong cụm “Địa bàn an toàn - Đơn vị an toàn”. Trong năm, Công ty không có thiệt hại do thiên tai gây ra.

3.4. Công tác lao động, tiền lương; chế độ chính sách cho người lao động; công tác xã hội công đồng và công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ doanh nghiệp

3.4.1. Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động

Công ty cơ bản thực hiện tốt chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn TKV, cụ thể như:

- + Luôn quan tâm đến điều kiện làm việc, ăn ở, đi lại của người lao động, như: đầu tư ô che nắng cho bộ phận làm việc ngoài trời; quạt phun sương làm mát và chống bụi; đầu tư mới toàn bộ bàn ăn, thay mới quạt trần, trang sắm thêm dụng cụ chế biến thực phẩm, máy rửa sấy bát cho nhà ăn công nghiệp, đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm; tất cả các phòng làm việc được trang bị điều hòa không khí; 100% người lao động được tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp và bảo hiểm thân thể.

- + Thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ cho người lao động đúng thời gian quy định vào ngày 20 – 25 hàng tháng. Minh bạch, công khai dân chủ trong thanh toán lương hàng tháng và phân phối lương, thưởng nhân dịp dịp lễ, tết; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động; mua và cấp phát đồ uống giải nhiệt cho người lao động trong các ngày nắng nóng; bổ trợ tiền lương cho toàn thể CBCNV tự tổ chức đi nghỉ dưỡng mức bình quân 2.000.000 đồng/người (do dịch Covid-19 Công ty không tổ chức tập trung). Chi hỗ trợ tham quan nghỉ mát bằng nguồn quỹ phúc lợi tổng số chỉ là: 638 triệu đồng.

- + Để quản lý tốt công tác lao động, tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động, Công ty đã triển khai và đang áp dụng hệ thống phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm quản lý BHXH; BHYT; BHTN. Hệ thống phần mềm quản lý này được kết nối với hệ thống quản lý của Tập đoàn TKV và BHXH Quảng Ninh để đảm bảo cho việc báo cáo được nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

- + Chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp phòng, chống dịch Covid-19. Công ty đã trang sắm đầy đủ phương tiện phòng, chống dịch (tổng số kinh phí đã chi cho công tác chống dịch là 185,0 triệu đồng). Tổ chức nghiêm việc khai báo y tế và đo thân nhiệt trong các giai đoạn cao điểm. Trong Công ty không có CB CNV và không có người thân của CBCNV bị nhiễm dịch bệnh Covid-19.

- Công tác xã hội cộng đồng: CBCNV và người lao động Công ty luôn tích cực đóng góp kinh phí hỗ trợ an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Trợ cấp thường

xuân cho cho 01 gia đình nhiễm chất độc da cam tại thành phố Hạ Long với số tiền 6.500.000 đồng/năm. Ủng hộ các quỹ từ thiện với số tiền 35,0 triệu đồng.

Đặc biệt là trong thời gian bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 theo chỉ đạo của Đảng ủy Than Quảng Ninh và Tập đoàn TKV, để hỗ trợ tiêu thụ nông thủy sản trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, Công ty triển khai mua ủng hộ một số mặt hàng như trứng vịt, cá, rau, gạo, thịt lợn ủng hộ nông dân trong Tỉnh để phục vụ bữa ăn ca cho người lao động, tổng giá trị Công ty đã mua là 210,0 triệu đồng/tháng.

3.4.2. Công tác tái cơ cấu tổ chức, đổi mới quản trị nội bộ doanh nghiệp

a) Công tác tái cơ cấu tổ chức, lao động

+ Công ty tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017- 2020, tổ chức điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số phòng nghiệp vụ để đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quản lý.

+ Sắp xếp lại lao động bảo phù hợp với nhiệm vụ sản xuất năm 2020. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Công ty gồm 05 phòng nghiệp vụ, 04 phân xưởng sản xuất.

+ Tổng số lao động toàn Công ty đến thời điểm báo cáo là: 349 người (trong đó 317 người chính thức; 32 người lao động mùa vụ). Trong đó, lao động công nghệ: 252 người, bằng 77,2%; lao động phục vụ, phụ trợ: 23 người, bằng 7,2%; Lao động quản lý: 42 người, bằng 12,4%. Giảm 24 người so với năm 2019

b) Đổi mới quản trị doanh nghiệp

+ Xây dựng sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế, quy định quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với thay đổi theo quy định mới của pháp luật, của Tập đoàn và thực tiễn SXKD của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ.

3.4.3. Xây dựng môi trường, điều kiện làm việc sinh hoạt cho người lao động

+ Quan tâm, chăm lo cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động. Đặc biệt trong năm 2020 được sự cho phép của Tập đoàn TKV Công ty đã hợp tác với đối tác thực hiện lắp đặt xong sản phẩm thuộc đề tài Thiết kế chế tạo Hệ thống thông gió điều hòa không khí tại phân xưởng Cơ khí đưa vào hoạt động cải thiện tốt điều kiện môi trường cho làm việc cho người lao động.

+ Trang bị bạt chống nóng cho công nhân làm việc ngoài trời; nấu chè, nước uống phục vụ công nhân những ngày hè nắng nóng.

+ Duy trì tốt khu liên hợp phục vụ tắm giặt; nhà hoạt động thể thao; Đầu tư cải tạo xây dựng nhà ở công nhân cho các công nhân, các kỹ sư trẻ gia đình ở xa ổn định ăn ở để yên tâm công tác.

3.5. Công tác quản lý vật tư

Sang năm 2020 thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty tiếp tục và duy trì các biện pháp tiết giảm chi phí vật tư như: Thương thảo với các nhà cung cấp vật tư, phụ tùng để được hưởng các điều kiện ưu đãi về giá mua; Thời hạn chậm thanh toán; Dịch vụ kỹ thuật miễn phí, v.v..., rà soát ban hành các định mức cho các sản phẩm mới và điều chỉnh ban hành lại một số định mức vật tư đã ban hành trước đó cho phù hợp khi Công ty đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất.

Đặc biệt Công ty đã cùng các đơn vị có thiết bị sửa chữa tăng cường sử dụng hàng do Công ty chế tạo thay thế hàng nhập khẩu với chất lượng đảm bảo, giá cả thấp hơn nhiều lần so với vật tư phụ tùng chính hãng để giảm giá thành sửa chữa.

Công ty đã rất chú trọng công tác mua sắm, quản lý hàng tồn kho hạn chế thấp nhất việc dự trữ vật tư. Đối với phụ tùng thay thế Công ty không mua dự phòng mà sử dụng đến đâu mua đến đó. Đối với nguyên, nhiên vật liệu hàng tháng, quý căn cứ kế hoạch SXKD trên cơ sở định mức vật tư và khối lượng vật tư cần thiết cho từng sản phẩm, công trình Công ty cho lập đơn hàng chào hàng cạnh tranh, lựa chọn nhà cung cấp

có dịch vụ tốt nhất để ký kết hợp đồng dài hạn làm cơ sở mua sắm (Nhu cầu đến đâu mới cho mua nhập kho sử dụng đến đó).

Về quản lý hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho đến 31/12/2020 là: 2 974 triệu (Trong đó: Nguyên vật liệu: 1 272 triệu; CCDC: 72 triệu; Thành phẩm chế tạo là phụ tùng ô tô, thiết bị các loại dự phòng để cung cấp nhanh cho các đơn vị khi có nhu cầu là: 1 632 triệu). Công ty luôn triệt để ổn định giá trị hàng tồn kho, tránh tồn kho với giá trị cao, tồn đọng vốn. Giá trị hàng tồn của Công ty tương đối thấp, luôn duy trì hạn mức dưới 2% so với mức yêu cầu của TKV cho phép dưới 6%.

Để gia tăng các sản phẩm chiến lược, trong năm 2020 Công ty đã liên kết hợp tác với các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn TKV chế tạo bổ sung một số sản phẩm chủ lực cho Công ty đáp ứng nhu cầu của ngành thay thế hàng hóa nhập khẩu.

Công ty thường xuyên cải tiến công nghệ sản xuất, sử dụng vật liệu phù hợp nhằm để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm; sản xuất, sửa chữa đảm bảo tiến độ, giá cả cạnh tranh, làm tốt dịch vụ sau bán hàng, bảo hành sản phẩm.

Đối mới khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất để việc mua sắm vật tư đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, tuân thủ pháp luật. Vật tư đầu vào phải kiểm soát chặt chẽ đảm bảo chất lượng trước khi nhập kho.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Đặc biệt ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thiết kế; công tác quản lý tài chính kế toán và quản lý vật tư. Cải tiến nâng cấp duy trì áp dụng phần mềm quản lý vật tư kết nối giữa phòng Kế hoạch Vật tư với phòng Kế toán tài chính trong việc:

- + Theo dõi chi phí vật tư sửa chữa ô tô, tính lỗ lãi cho từng xe, thiết bị sửa chữa (Từ khi thiết bị, xe máy vào sửa chữa, TĐT đến khi hoàn thiện sản phẩm bàn giao cho Khách hàng).

- + Quản lý trong khâu nhập và cấp phát vật tư.

- + Quản lý chi phí vật tư được theo dõi chi tiết theo chủng loại, danh điểm vật tư, phân nhóm vật tư theo bộ phận xe phục vụ sản xuất.

3.6. Công tác quản lý và xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Để kiểm soát chất lượng sản phẩm sửa chữa, trung đại tu và các sản phẩm gia công chế tạo, phục hồi nhằm hạn chế, phòng ngừa và chống các lỗi, sai, hỏng thường lặp lại Công ty là một trong số rất ít đơn vị đã sớm đào tạo đội ngũ, đồng thời xây dựng, duy trì áp dụng tốt, có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2017 và duy trì tốt việc thực hành 5S.

Theo đó, Công ty đã ban hành áp dụng tất cả các quy trình, quy định hướng dẫn, kiểm soát chất lượng trong công tác quản lý; trong khâu sản xuất sửa chữa, trung đại tu thiết bị, xe máy; sản xuất lắp ráp, chế tạo xe ô tô tải nặng và xe ô tô chuyên dùng; Các sản phẩm gia công chế tạo, phục hồi phù hợp với điều kiện quản lý thực tế của Công ty. Thường xuyên kiểm tra, soát xét, bổ sung điều chỉnh các điểm chưa phù hợp để đưa ra biện pháp cải tiến khắc phục phòng ngừa kịp thời.

Ngoài ra, Công ty còn xây dựng ban hành áp dụng nhiều quy trình, quy định khác trong công tác tổ chức, phân công nhiệm vụ Ban điều hành, các phòng ban, phân xưởng sản xuất; Các quy định về công tác quản lý theo quy định của Tập đoàn TKV.

3.7. Công tác Thống kê - Tài chính - Kế toán

a) Về công tác thống kê: Công ty đang áp dụng chế độ báo cáo thống kê theo Quyết định số: 1061/QĐ - VINACOMIN ngày 9/5/2012 của Tập đoàn TKV. Số liệu báo cáo nhanh chính xác, kịp thời tiết kiệm chi phí (chi phí điện thoại, chi phí đi lại, in văn bản, v.v....).

b) Về công tác tài chính

+ Năm 2020 Công ty phối hợp tốt với các đơn vị để thanh toán công nợ được kịp thời nên đã đảm bảo ổn định được tài chính phục vụ sản xuất, tuy nhiên điều khó khăn nhất hiện nay là thời hạn thanh toán đối với các đơn vị, điều khoản hợp đồng thường ghi rõ là 60 ngày, có đơn vị lên tới 90 ngày trong khi đó các đơn vị cấp hàng chính hãng cho Công ty thì công nợ chỉ trong 30 ngày phải thanh toán dẫn đến vòng quay vốn chậm, khả năng thanh toán chưa cao.

+ Công tác kế toán và thu hồi công nợ: Công ty thường xuyên chỉ đạo thu hồi công nợ một cách tích cực nhất để đảm bảo hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu không quá 3 lần bằng cách đôn đốc các đơn vị trả tiền đến hạn. Ngoài còn một số đơn vị ngoài TKV khả năng thanh toán còn chậm như Công ty CP Thiên Nam; Công ty CP Thăng Long; Công ty CP Cromit Cổ định Thanh Hóa – TKV; Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin. Hiện tại công ty chỉ đang trích lập 50% công nợ khó đòi của Công ty CP Cromit Cổ định Thanh hóa – TKV; các đơn vị còn lại chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

c) Công tác kiểm kê: Thực hiện đúng quy định của Tập đoàn TKV và của Nhà nước; Số liệu giữa sổ sách và thực tế luôn phù hợp, không để xảy ra trường hợp chênh lệch thiếu giữa thực tế kho so với sổ sách.

d) Công tác thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước: Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ và kịp thời, không để nợ đọng đối với Nhà nước. Năm 2020 Công ty nộp ngân sách Nhà nước là 12 280 triệu đồng.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tài chính kế toán: Để đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả, công khai minh bạch, Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm tiền lương và phần mềm vật tư của Công ty Giải pháp phần mềm thương mại Esoft, việc in sổ sách, chứng từ nhanh chóng, hiệu quả và chính xác cao. Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với Công ty phần mềm Esoft hoàn thiện việc viết phiếu xuất tự động thông qua các lệnh sản xuất đã có định mức (đối với hàng chế tạo phục hồi), tự in phiếu nhập kho thông qua hợp đồng kinh tế, ngoài ra có thể rà soát hàng nhập xuất của các xe thông qua quyết toán. Thông qua phần mềm phòng tăng được độ chính xác trong công việc và tiết kiệm nhân lực.

3.8. Công tác Cơ điện - Kỹ thuật công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và định mức

3.8.1. Công tác Cơ điện

a) Công tác quản lý năng lượng

+ Đảm bảo hệ thống thiết bị năng lượng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho sản xuất, Điện năng tiêu thụ bình quân 145.500kWh/tháng, cosφ trung bình 0,92.

+ Thí nghiệm định kỳ trạm điện theo đúng quy định.

+ Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo an toàn ở 415 điểm đo toàn Công ty trong Quý I/2020.

+ Về thực hiện tiết kiệm năng lượng:

- Đã thay thế toàn bộ các đèn chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng; loại bỏ quạt công nghiệp cục bộ công suất lớn thay bằng quạt trần tản cánh lớn điều khiển biến tần,

- Hạn chế sử dụng các thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm, loại bỏ dần một số thiết bị cũ, lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng, hiệu suất thấp ...

- Hệ thống cấp nước đã loại bỏ hoàn toàn các đường ống cũ hỏng gây thất thoát nước và thay thế các đường ống mới đến các khu sản xuất theo đúng nhu cầu thực tế.

- Tận dụng tối đa nước mưa cho hệ thống rửa xe và phục vụ sản xuất, mức tiêu thụ nước máy cho toàn bộ công ty trung bình 680m³/tháng.

- Sử dụng máy nén khí cục bộ phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị, chủ động không ảnh hưởng đến hoạt động chung và có thể tiết giảm từng máy khi không cần thiết dùng.

b) Công tác quản lý thiết bị công nghệ

+ Duy trì thực hiện kiểm định trạm kiểm tra xe lắp ráp theo quy định. Tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, quản lý thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đảm bảo 100% các thiết bị đang sử dụng kiểm định an toàn theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Thực hiện di chuyển lắp đặt lại các thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng công đoạn gia công. Thực hiện công tác lắp đặt đưa thiết bị mới đầu tư gồm hệ thống cấp phối tự động cho máy mài vô tâm, Hệ thống cấp phối tự động cho máy tôi cao tần, máy phun bi làm sạch sau rèn và nhiệt luyện vào sử dụng phục vụ sản xuất.

+ Triển khai thực hiện chương trình cải tạo mở rộng, tăng công suất năng lực sản xuất hệ thống mạ. dự kiến thực hiện xong trong tháng 12/2020.

+ Thực hiện lắp đặt xong sản phẩm Hệ thống thông gió điều hoà không khí khu vực hàn Phân xưởng Cơ khí thuộc đề tài Nghiên cứu thiết kế cải tạo Hệ thống thông gió điều hoà không khí nhà xưởng tập trung. Triển khai chuẩn bị các đề tài khác cho các năm tiếp theo.

3.8.2. Công tác kỹ thuật công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Năm 2020 Công ty có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật và giải pháp quan trọng với giá làm lợi cao, ước đạt trên 1,0 tỷ đồng đã góp phần làm tăng hiệu quả SXKD chung toàn Công ty. Ngoài công tác phục vụ sửa chữa các thiết bị vào Công ty sửa chữa trung đại tu, còn chương trình thiết kế, chế tạo các sản phẩm mới. Cụ thể như sau:

+ Cùng với chuyên gia Nhật Bản và các cán bộ kỹ thuật nghiên cứu thiết kế các sản phẩm nhôm, con lăn băng tải chất lượng cao. Đã giao lô hàng 2.000 sản phẩm Nhôm đúc đầu tiên sang thị trường Nhật Bản và lô hàng 5.200 con lăn băng tải sang thị trường Pháp cho đối tác làm tiền đề để triển khai thực hiện cho các Đơn hàng tiếp theo trong thời gian tới.

+ Cùng với các đối tác nghiên cứu, thiết kế chế tạo thành công máy phun sương cao áp dập bụi đưa vào thử nghiệm tại Công ty tuyển than Cửa Ông đã được Bộ Công thương kiểm tra nghiệm thu cho sản xuất thương mại thay thế hàng nhập khẩu.

+ Hoàn thiện thiết kế công nghệ chế tạo gầu ngoạm 8m³; Cải tiến hệ thống bơm nước phun nước rửa đường lắp trên xe ô tô KAMAZ; xe ô tô CAT 773E và xe ô tô HD465-7.

+ Hoàn thiện các đề tài năm 2018-2019: Xử lý khí thải độc hại; Áp tô mát phòng nổ trong hầm lò; Trục xích giảm chấn lắp trên xe HD465-7R; Các đề tài KHCN năm 2019-2020: Máy khoan neo nóc, neo hông; Hệ thống thông gió; Chế tạo xy lanh thủy lực ra vào tay cần máy xúc PC1250.

+ Hoàn thiện đề tài: Hệ thống cấp phối tự động; Chế tạo hệ thống rót than; chế tạo máy đào lò Combai; Chế tạo téc nước 50.5 m³ tích hợp Hệ thống điều khiển phun nước lắp trên xe ô tô đại xa; Chế tạo bộ giảm âm cho quạt cục bộ dùng trong hầm lò. Thiết kế các loại xy lanh dùng trong hầm lò: Xy lanh thùng cũ; xy lanh sàn lắc miệng; xy lanh xy lanh chặn goòng, xy lanh sàn. Thiết kế các cụm chi tiết cho nhà máy nhiệt điện Đông Triều; Thiết kế, chế tạo, cải hoán máy xúc PC130 thành máy vừa đào, vừa có thể gấp được bom cho Bộ Công Binh cùng nhiều sản phẩm khác có giá trị cao.

3.8.3. Công tác định mức

a) Về định mức lao động: Đáp ứng kịp thời làm cơ sở lập dự toán, quyết toán các loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

b) Về định mức vật tư: Rà soát kiểm tra, xây dựng và ban hành kịp thời một số định mức tiêu hao vật tư không còn phù hợp với công nghệ sản xuất hiện tại nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm sản xuất gia công chế tạo, phục hồi.

3.9. Công tác Đầu tư XDCB

3.9.1. Kết quả thực hiện công tác đầu tư XDCB

Kế hoạch đầu tư XDCB của Công ty trong năm 2020 là 25.150 triệu đồng. Kết quả đến hết năm 2020 Công ty thực hiện được như sau:

a) Giá trị đã hoàn thiện ký hợp đồng là: 8.612 triệu/25.150 triệu (bằng 34,24% kế hoạch); Bao gồm:

+ Máy rèn lăn	: 1.897 triệu.
+ Máy phun bi	: 735 triệu.
+ Máy rửa chi tiết	: 690 triệu.
+ Máy xọc CNC	: 3.380 triệu.
+ Cấp phôi tự động cho máy mài vô tâm	: 975 triệu.
+ Cấp phôi tự động cho máy mài cầu CNC	: 935 triệu.

b) Giá trị đã hoàn thiện quyết toán viết hóa đơn là: 3.335 triệu/25.150 triệu (bằng 13,26% kế hoạch); Bao gồm:

+ Máy phun bi	: 735 triệu.
+ Máy rửa chi tiết	: 690 triệu.
+ Cấp phôi tự động cho máy mài vô tâm	: 975 triệu.
+ Cấp phôi tự động cho máy mài cầu CNC	: 935 triệu.

3.9.2. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch đầu tư XDCB năm 2020

+ Với mục tiêu đầu tư phải đảm bảo phù hợp và hiệu quả, do đó Công ty phải nghiên cứu kỹ lưỡng các dây chuyền, mô hình tự động hóa để đưa vào các công đoạn sản xuất cụ thể nên việc lựa chọn công nghệ, lựa chọn máy móc thiết bị phát rất cần thận và kỹ càng; cũng như cần phải tham khảo qua các đơn vị tư vấn, đó là nguyên nhân các dự án chậm tiến độ hoặc chưa thực hiện là do chưa đáp ứng phù hợp với điều kiện hiện tại của Công ty.

+ Do công tác tìm hiểu công nghệ mới và thông số kỹ thuật của các máy móc thiết bị còn nhiều hạn chế, gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn công nghệ phù hợp với yêu cầu của sản xuất, thiếu thông tin để đánh giá về công nghệ nên chưa thực hiện được theo tiến độ.

+ Mặt khác để tiết kiệm trong đầu tư tránh lãng phí, Công ty phải cân nhắc rất cẩn thận và chỉ đầu tư cho phù hợp với quy mô và sản lượng sản xuất, loại hình, chủng loại sản phẩm đảm bảo chắc chắn rằng việc thực hiện đầu tư mang lại hiệu quả.

3.10. Công tác khoán, quản trị và các khoản chi phí khác

Là đơn vị Cơ khí ngành nghề chủ yếu là sửa chữa trung đại tu xe ô tô vận tải, thiết bị khai thác mỏ là chính, với các chủng loại sản phẩm đa dạng và sản xuất tập trung; Vì vậy Công ty xác định hình thức quản lý chủ yếu là:

+ Công ty quản lý tập trung một mối bằng các định mức và kế hoạch đối với vật tư, phụ tùng, nhiên liệu, động lực và các chi phí khác. Xác định và phân tích hiệu quả SXKD cho từng đầu sản phẩm, công trình kết hợp với xác định hiệu quả kinh doanh chung hàng tháng trong toàn Công ty.

+ Về tiền lương, Công ty áp dụng phương pháp giao khoán tiền lương cho các đơn vị trực tiếp sản xuất theo từng chi tiết, từng đầu sản phẩm, công trình. Tiền lương của người lao động phục vụ, phụ trợ được gắn với kết quả SXKD chung của Công ty. Tiền lương của khối quản lý gián tiếp được áp dụng trả theo từng vị trí công tác của từng phòng ban.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên duy trì rà soát, điều chỉnh lại các định mức tiêu hao vật tư vào quá trình sản xuất, định mức nhân công. Công ty đã có nhiều biện pháp để

tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, chi phí khác, nâng cao hiệu quả kinh doanh; điển hình như sắp xếp lại tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý, tăng cường chế tạo, phục hồi phụ tùng thay thế, giảm định mức vật tư chế tạo một số loại sản phẩm, v.v...

Công tác tổng hợp, phân tích số liệu về các chi phí đã được duy trì thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả, giúp cho việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty có kết quả tốt hơn. Hàng tháng tổng hợp phân tích số liệu báo cáo các chi phí, phát hiện các sai lệch trong quá trình kinh doanh để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp về quản trị chi phí, triệt để thực hành tiết kiệm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng cường quản lý kỹ thuật, quản lý lao động tiền lương, tài chính, v.v...

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá năng lực các nhà cung cấp để đảm bảo ổn định chất lượng vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa thiết bị, hạn chế thấp nhất chi phí bảo hành.

Về triển khai thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số: 20/NQ-ĐU ngày 10/4/2017 của Đảng ủy Tập đoàn; Chỉ thị số: 123/CT-TKV ngày 13/6/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020, Công ty đã xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện và đã đạt được nhiều kết quả.

3.11. Công tác Bảo vệ - Quân sự - Thanh tra

3.11.1. Công tác Quân sự, Quốc phòng

+ Kết quả thực hiện công tác Quốc phòng, quân sự địa phương: Công ty đã ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác Quân sự - Quốc phòng năm 2020 gắn với thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty; triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác Quân sự - Quốc phòng của các cấp, các ngành.

+ Tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ đạt kết quả khá. Trong năm, Công ty có 01 người lao động lên đường nhập ngũ.

3.11.2. Công tác bảo vệ tài sản

+ Thường xuyên rà soát, sửa đổi và đề ra phương án bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh trật tự an toàn trong Công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án bảo vệ sản xuất trong các ngày lễ, tết. Do triển khai thực hiện tốt công tác quân sự, công tác an ninh trật tự, công tác bảo vệ sản xuất và thực hiện tốt công tác phối hợp, vì vậy năm 2020 Công ty không để xảy ra hiện tượng vi phạm làm thất thoát vật tư tài sản.

+ Tham gia đầy đủ hoạt động Cụm địa bàn an toàn phường, cụm thi đua quyết thắng, duy trì tốt và hài hòa mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trên địa bàn.

+ Thực hiện đầy đủ các hoạt động về công tác quân sự, công tác quốc phòng, công tác dân quân tự vệ, công tác hậu phương quân đội; xây dựng lực lượng tự vệ.

4. Đánh giá chung về kết quả hoạt động SXKD năm 2020

Năm 2020 là một năm mặc dù đứng trước bối cảnh phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt sự bùng phát lây lan tác động của đại dịch Covid-19; Song với sự quyết tâm của toàn CBCNV và người lao động trong Công ty đã có nhiều đổi mới đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty được duy trì ổn định, hiệu quả. Đồng thời, được sự hỗ trợ thường xuyên của Tập đoàn và các đơn vị tham gia phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty TKV; Sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; đó là:

+ Sản xuất đảm bảo an toàn; Ổn định việc làm cho người lao động; Doanh thu; Lợi nhuận; Tiền lương, thu nhập cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

+ Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

Phần thứ hai
CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Mục tiêu

- + Doanh thu đạt : 306,550 tỷ đồng.
- + Thu nhập bình quân : 9,889 triệu đồng/ng-tháng.
- + Lợi nhuận trước thuế : 5,360 tỷ đồng.
- + Hoàn thành các chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước và Tập đoàn.
- + Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Tr.đ)	Thành tiền (Tr.đ)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6 = 4 x 5</u>	<u>7</u>
	TỔNG DOANH THU	Tr.đ			306 500	
	Doanh thu cơ khí	Tr.đ			301 500	
	Doanh thu khác	Tr.đ			5 000	
	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT	Tr.đ			301 750	
1	Sửa chữa thiết bị, xe máy				218 680	
	TĐT xe HD các loại	Xe	18	3 000	54 000	
	TĐT xe CAT các loại	Xe	18	3 000	54 000	
	TĐT xe HM400-3R	Máy	1	3 000	3 000	
	TĐT máy xúc các loại	Máy	18	2 500	45 000	
	TĐT máy gạt các loại	Máy	8	1 200	9 600	
	TĐT xe trung xa (Xe Hyundai; xe KAMAZ; xe cầu; xe Scania) các loại	Xe	44	850	37 400	
	Sửa chữa cụm Đ/C, HS các loại	Cụm	21	500	10 500	
	Sửa chữa thiết bị, xe máy trạng thái; Sửa chữa thiết bị tại khai trường.	Tr.đ	-	-	5 180	
2	Chế tạo phụ tùng, thiết bị		2 820		61 820	
	+ Chế tạo phụ tùng bán ngoài	Tấn	2 360		57 820	
	+ Chế tạo phụ tùng tự dùng	Tấn	460			
	+ Chế tạo thanh neo lò	Bộ	20 000		4 000	
3	Phục hồi phụ tùng, thiết bị		915		13 000	
	+ PH phụ tùng bán ngoài	Tấn	650			
	+ PH phụ tùng tự dùng	Tấn	265			

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Tr.đ)	Thành tiền (Tr.đ)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6 = 4 x 5</u>	<u>7</u>
4	Lắp ráp xe tải nặng	Xe	0	0	0	
5	Chế tạo xe chuyên dùng	Xe	2	4 000	8 000	

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty đã xây dựng trên, để đảm bảo lo đủ việc làm nhằm ổn định đời sống cho người lao động và thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021, Công ty xây dựng các nhóm các giải pháp điều hành cơ bản như sau

III. Các giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện chỉ đạo điều hành phối hợp kinh doanh năm 2021

Để hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021 do Tập đoàn TKV ban hành kèm theo Quyết định số: 2160/QĐ-TKV ngày 23/12/2020, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp chủ yếu như sau:

1. Nhóm giải pháp đảm bảo an toàn cho sản xuất và an toàn phòng chống dịch

- Đảm bảo an toàn trong sản xuất:
 - + Xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện công tác an toàn lao động định kỳ cho công nhân và người lao động ngay từ đầu năm.
 - + Xây dựng phương án PCCC, phương án bảo vệ tài sản của Công ty và của khách hàng, đặc biệt vào những ngày cao điểm.
- Đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch Covid-19: Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, của địa phương và của Tập đoàn TKV nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu nhiệm vụ kép “ Vừa phòng chống dịch – Vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh”.

2. Nhóm giải pháp về công tác thị trường

Thị trường năm 2021 của Công ty xác định vẫn chủ yếu là phục vụ các đơn vị sản xuất khai thác Than, Khoáng sản trong Tập đoàn TKV; Đó là:

- Với sản phẩm sửa chữa tập trung vào các loại thiết bị khai thác và xe tải nặng phục vụ sản xuất cho các mỏ lộ thiên và hầm lò, thực hiện theo quy định tại văn bản số: 3036/TKV-CV ngày 14/6/2019 về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa TSCĐ là thiết bị nội bộ TKV.
- Với sản phẩm gia công chế tạo tập trung thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn TKV tại Quyết định số: 1828/QĐ-TKV ngày 26/10/2020 về việc ban hành Quy định mua sắm vật tư trong ngành .

Vì vậy, ngoài các sản phẩm trên cơ sở được ghi trong hướng dẫn của Tập đoàn thì trong năm 2021 định hướng của Công ty là tiếp tục cùng với các đơn vị tham gia Kế hoạch PHKD nhận làm thêm các sản phẩm phục vụ sản xuất hầm lò, vận tải đất đá phục vụ khai thác mỏ lộ thiên, tìm kiếm thêm các công trình sản phẩm mới, thị trường mới, việc làm ngoài Tập đoàn TKV. Trong đó đặc biệt chú trọng chế tạo các sản phẩm phục vụ chương trình Cơ giới hóa khai thác hầm lò của TKV cũng như tăng cường công tác tham gia sửa chữa cho các đơn vị tại các khai trường, công trường.

Đồng thời Công ty tiếp tục xây dựng các giải pháp chỉ đạo điều hành và đưa mục tiêu tăng cường mở rộng, khai thác hợp tác nhận thêm thị trường việc làm ngoài Tập đoàn TKV để đảm bảo việc làm, thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

3. Nhóm giải pháp nghiên cứu, hợp tác kỹ thuật trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm mới

Nghiên cứu, thiết kế chế tạo phụ tùng, thiết bị cho các đơn vị sản xuất khai thác than, đặc biệt ưu tiên các sản phẩm phục vụ sản xuất trong hầm mỏ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các sản phẩm đề tài KHCN nhằm tạo ra sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao. Ngoài ra:

- Tranh thủ tận dụng cơ hội khi Hãng KAMAZ phát triển việc lắp ráp, tiêu thụ xe KAMAZ tại Việt Nam (03 mẫu xe KAMAZ đã được Bộ Quốc phòng kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá và nghiệm thu các tính năng kỹ thuật đạt yêu cầu tại hội nghị toàn quân tháng 12/2019 và quyết toán tiêu thụ trong tháng 11/2020).

- Hợp tác với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu EUROTAS trên cơ sở đã xuất khẩu lô sản phẩm thử 5.200 con lăn các loại con lăn đầu tiên (tháng 10/2020) sang thị trường Cộng hòa Pháp đã được đối tác đánh giá cao, làm cơ sở chuẩn bị nhận tiếp Đơn hàng 52.000 con lăn các loại trong năm 2021.

- Hợp tác với Công ty TNHH MURAKAMI trên cơ sở đã xuất khẩu (Năm 2020) lô hàng 2.000 sản phẩm Nhôm đúc chất lượng cao đầu tiên sang thị trường Nhật Bản để mở rộng thị trường và quảng bá thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí.

- Duy trì hợp tác với chuyên gia Nhật Bản, chuyên gia các trường Đại học thực hiện dịch vụ Tư vấn trong việc thiết kế, viết, áp dụng các quy trình nhằm kiểm soát chặt chẽ các bước, các công đoạn trong dây chuyền công nghệ sản xuất, gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí theo tiêu chuẩn nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

- Hợp tác với các đơn vị sử dụng các sản phẩm mới mà Công ty đã nghiên cứu chế tạo thành công như:

- + Xe xi téc phun nước trên cơ sở các xe ô tô trung, đại xa hiện có phục vụ công tác bảo vệ môi trường cho các đơn vị trong TKV (Theo thông báo số: 99/TB-TKV ngày 15/6/2020 của Tập đoàn TKV về việc đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin nghiên cứu, thiết kế, lập bản vẽ, quy trình công nghệ chế tạo xe xi téc phun nước trên cơ sở các xe ô tô trung, đại xa hiện có phục vụ công tác bảo vệ môi trường cho các đơn vị trong TKV).

- + Máy phun sương cao áp dập bụi cải thiện môi trường trên cơ sở sản phẩm đã thử nghiệm được Tập đoàn TKV nghiệm thu và đặc biệt đã được Bộ Công thương thẩm định chính thức bổ sung vào danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu trong nước đã sản xuất được tại Quyết định số: 2635/QĐ-BCT ngày 09/10/2020.

4. Nhóm giải pháp về công tác quản trị đảm bảo an toàn tài chính và đảm bảo hiệu quả SXKD

- Điều hành tốt kế hoạch theo cơ chế khoán ban hành kèm theo Quyết định số: 212/QĐ-TKV ngày 12/02/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn TKV. Bám sát kế hoạch phối hợp kinh doanh và quy chế khoán, chủ động điều hành và kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chi phí ngay từ đầu năm, không để tình trạng phát sinh các khối lượng công việc, yếu tố công nghệ làm tăng chi phí.

- Ban kiểm soát và kiểm soát viên nội bộ thực hiện chức trách nhiệm vụ, kiểm soát thường xuyên hoạt động của Công ty để đưa ra cảnh báo kịp thời, báo cáo Giám đốc chỉ đạo khi có dấu hiệu mất cân đối tài chính.

- Kịp thời đưa ra các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Phần đầu năm 2021 tiết kiệm 2% chi phí theo Kết luận của Chủ tịch HĐQT tại Thông báo kết luận số: 223/TB-TKV ngày 31/12/2020 của Tập đoàn TKV.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý; đặc biệt trong công tác quản trị vật tư, kế toán tài chính, tiền lương.

5. Nhóm giải pháp chuẩn bị sản xuất, đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm

5.1. Công tác chuẩn bị về kỹ thuật công nghệ

Tập trung giải quyết những vướng mắc về công nghệ sửa chữa các loại xe đại xa, các chủng loại xe, máy mới.

Tiếp tục xem xét công nghệ phục hồi, chế tạo phụ tùng xe ô tô hiện nay, cải tiến để nâng cao giá trị sản phẩm, giảm chi phí nguyên vật liệu, lao động.

Tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ tiên tiến trên cơ sở kế hoạch đầu tư đã được Tập đoàn TKV phê duyệt để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động.

Mua sắm đủ các loại thiết bị, dụng cụ, đồ gá phục vụ sản xuất, tổ chức sử dụng đạt hiệu quả.

Triển khai hiệu quả công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới theo yêu cầu của thị trường.

5.2. Công tác chuẩn bị vật tư

Đổi mới khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất để việc mua sắm vật tư đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, cạnh tranh, nguồn cung cấp ổn định, nhà cung cấp có năng lực, tuân thủ quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, tuân thủ pháp luật.

Vật tư đầu vào phải đảm bảo chất lượng: Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng vật tư nhập kho Công ty, kiểm soát vật tư đưa vào trong quá trình sản xuất, cũng như kiểm soát tốt hạn mức tồn kho.

5.3. Công tác chất lượng và bảo hành sản phẩm

Triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm: Nâng cao chất lượng lao động, chất lượng vật tư phụ tùng; Chuẩn bị tốt kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị và điều kiện vệ sinh phù hợp, đi đôi với tăng cường quản lý. Tăng cường công tác tự kiểm tra sản phẩm hàng ngày trong quá trình sản xuất của các phân xưởng, kiểm tra hạn chế thấp nhất các lỗi đối với các sản phẩm trước khi xuất xưởng bàn giao cho khách hàng đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa phải làm chính xác, cẩn thận, việc giám định kỹ thuật tại Công ty và nhanh chóng thống nhất được với đơn vị quản lý sử dụng thiết bị, hạn chế thấp nhất việc sai lỗi và phát sinh.

Khi xảy ra các lỗi vi phạm về chất lượng, phải xem xét tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ thiệt hại, quy được trách nhiệm đến cùng, đồng thời phải có hành động khắc phục và xây dựng các biện pháp phòng ngừa để tránh lặp lại.

Đầu tư cho công tác bảo hành sản phẩm phương tiện, con người, vật tư, và biện pháp tổ chức triển khai để thực hiện bảo hành sản phẩm nhanh, có chất lượng hơn.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

6. Nhóm giải pháp đảm bảo an toàn, ổn định để phát triển sản xuất, chăm lo đời sống người lao động

6.1. Công tác An toàn – Vệ sinh lao động – PCCN

Thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác An toàn – Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ. Xây dựng đầy đủ các nội quy, quy định, quy trình, biện pháp đảm bảo An toàn – vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ. Tổ chức huấn luyện, đào tạo, hướng dẫn đầy đủ; Tăng cường kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi, mọi việc, không có cá nhân vi phạm các quy định về công tác này.

Mặt bằng nhà văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ, vật tư luôn được sắp xếp gọn gàng khoa học, vệ sinh sạch sẽ, duy trì thường xuyên nề nếp, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

Làm tốt công tác dự báo, dự đoán, phát hiện nguy cơ tiềm ẩn, các rủi ro có thể xảy ra, xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, triệt tiêu sự cố.

Duy trì tốt và thường xuyên công tác vệ sinh môi trường cảnh quan toàn Công ty.

6.2. Công tác Lao động - Tiền lương - Đời sống

Tiếp tục rà soát bổ sung, sắp xếp lại lực lượng lao động đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Làm tốt công tác định mức lao động, giao khoán tiền lương để đảm bảo việc trả lương công bằng, đúng người, đúng việc tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất. Phân đầu tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí để tiền lương bình quân theo đầu người của người lao động Công ty trong năm 2020 phân đầu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Kiểm toàn tổ chức huấn luyện lại lực lượng sơ cấp cứu ban đầu tại Công ty, phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả khám duy trì sức khỏe, điều trị bệnh cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các biện pháp đề phòng dịch bệnh. Đảm bảo bữa ăn giữa ca của CBCNV và người lao động đủ định lượng, có chất lượng tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

6.3. Công tác Bảo vệ - Thanh tra - An ninh trật tự

Tập trung thanh kiểm tra nhằm phát hiện những sai sót để có biện pháp khắc phục phòng ngừa trong các lĩnh vực quan trọng như: Mua bán vật tư, định mức sử dụng và quyết toán vật tư, sử dụng lao động, định mức lao động, tiền lương, các chính sách đối với người lao động.

Thực hiện nghiêm túc việc tiếp cán bộ công nhân viên, lắng nghe và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, phản ánh của CBCNV và người lao động.

Làm tốt công tác bảo vệ tài sản Công ty, không để xảy ra các các biểu hiện tiêu cực làm thất thoát tài sản. Đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty và trên địa bàn.

Xây dựng mối quan hệ hài hòa, tốt đẹp giữa Công ty với các lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương và trên địa bàn; Xây dựng lực lượng bảo vệ có thái độ ý thức làm việc tốt, nghiệp vụ tốt; giao tiếp với khách hàng tốt; không để trường hợp lực lượng bảo vệ vi phạm làm thất thoát tài sản của Công ty./.

Nơi nhận:

- Đại biểu TKV
- Các TV HĐQT; Ban KS
- Các Cổ đông.
- Ban Giám Đốc
- Đảng ủy; Công Đoàn, TN
- Các đơn vị (Portal)
- Lưu thư ký HĐQT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Phi

